TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 11 - 2019
"*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Gẫm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 (Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Trương Minh S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Điện Biên Phủ, khóm 6, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Con chung: - Cháu Trương Thị Ái N, sinh ngày 01/3/2009 (có đơn xin vắng mặt);
- Cháu Trương Minh H, sinh ngày 26/12/2013

Nơi cư trú: Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L trình bày: Chị và anh

Trương Minh S xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6 thị xã Trà Vinh (nay là thành phố Trà Vinh), tỉnh Trà Vinh (số 86 Quyển số 01 ngày 10/9/2008). Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S không chăm lo cuộc gia đình, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nên chị L và anh S đã ly thân cho đến nay. Nay, chị L yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có với nhau 02 người con chung tên là Trương Thị Ái N, sinh ngày 01/3/2009; Trương Minh H, sinh ngày 26/12/2013 hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Minh S vắng mặt tại phiên tòa.

Cháu Trương Thị Ái N trình bày ý kiến tại bản tự khai: Em có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện tốt các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Riêng anh Trương Minh Sơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng L. Cho chị Lan được ly hôn với anh S; giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét. Về án phí chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết:* Chị Phạm Thị Hồng L yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh S và yêu cầu được nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trương Minh S có nơi cư trú khóm 6, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, anh S vẫn

vắng mặt không có lý do, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt S là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Hồng L và anh Trương Minh S xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị L và anh S sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì chị L và anh S phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hai người đã ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L xác định không còn tình cảm với anh S và yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Phạm Thị Hồng L và anh Trương Minh S có với nhau 02 người con chung là Trương Thị Ái N, sinh ngày 01/3/2009; Trương Minh H, sinh ngày 26/12/2013 hiện đang do chị L nuôi dưỡng, các cháu vẫn khỏe mạnh, không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất. Tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại chị L đang nuôi dưỡng cháu N và cháu H, các cháu vẫn khỏe mạnh, chị Lan thì có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao 02 cháu N và cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử đã giải thích khi ly hôn người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*" nhưng chị L vẫn không yêu cầu anh S cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng L.

Cho chị Phạm Thị Hồng Lan được ly hôn với anh Trương Minh S.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Ái N, sinh ngày 01/3/2009; Trương Minh H, sinh ngày 26/12/2013 cho chị Phạm Thị Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Trương Minh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng L khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0004295 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Minh S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi anh S cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Gẫm

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND phường 6, TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu.